

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 15

35
NG
PH
LY
IG S
4 -

ST
HÀ
A
TINH
HÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2010 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Phan Tuấn Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên
Ông Phan Văn Chiến	Thành viên
Bà Doãn Thị Mai Hương	Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Đức Tài	Giám đốc
--------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Chạy mắt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Tài
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2011



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 2188/2011/BCKT/IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của
Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Bông Sen

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được lập ngày 25 tháng 2 năm 2011 của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 15 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV
Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2011

Phạm Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU 01 - CTQ
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A - TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100		114.695.940.373	123.878.818.569
I. Tiền và tương đương tiền	110		42.627.185.648	41.781.572.329
1. Tiền mặt tại quỹ	111		14.636.200	2.812.726
2. Tiền gửi Ngân hàng	112		2.278.962.956	7.676.484.309
4. Tương đương tiền	114	5.1	40.333.586.492	34.102.275.294
II. Đầu tư ngắn hạn	120		68.185.586.200	79.969.879.500
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	68.648.425.576	72.969.908.476
2. Đầu tư ngắn hạn khác	122		-	7.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	123	5.3	(462.839.376)	(28.976)
III. Các khoản phải thu	130		3.786.340.528	1.969.974.856
1. Phải thu của khách hàng	131		3.125.025.489	1.077.346.425
2. Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	132		324.989.326	302.183.292
4. Phải thu khác	134		336.325.713	590.445.139
IV. Tài sản lưu động khác	150		96.827.997	157.391.884
2. Tài sản lưu động khác	152		53.740.000	46.000.000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	153		43.087.997	111.391.884
B - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		599.575.754	715.121.444
I. Tài sản cố định	210		599.575.754	715.121.444
1. Tài sản cố định hữu hình	211	5.4	568.225.754	663.971.444
- Nguyên giá	212		1.071.220.375	1.071.220.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(502.994.621)	(407.248.931)
3. Tài sản cố định vô hình	217		31.350.000	51.150.000
- Nguyên giá	218		99.000.000	99.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(67.650.000)	(47.850.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		115.295.516.127	124.593.940.013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu 01 - CTQ
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		88.523.833.969	101.708.276.684
I. Nợ ngắn hạn	310		2.673.826.534	3.990.605.743
1. Vay ngắn hạn	311	5.6	-	-
2. Phải trả người bán	312		1.734.747.053	3.193.377.050
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.6	255.802.773	26.122.789
4. Phải trả công nhân viên	314	5.6	-	57.725
5. Chi phí phải trả	315	5.6	69.013.400	58.742.100
7. Phải trả, phải nộp khác	317	5.6	614.263.308	712.306.079
II. Nợ dài hạn	340		85.850.007.435	97.717.670.941
1. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	341	5.6	123.740.519	89.385.420
3. Phải trả nhà đầu tư ủy thác	343	5.6	85.566.151.715	97.577.012.155
4. Quỹ khen thưởng phúc lợi	353	5.6	54.794.294	-
5. Quỹ dự phòng rủi ro bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	344	5.6	105.320.907	51.273.366
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.771.682.158	22.885.663.329
I - Nguồn vốn	410	5.7	26.771.682.158	22.885.663.329
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		25.000.000.000	25.000.000.000
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	(6.798.260)
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		1.771.682.158	(2.107.538.411)
II - Quỹ	420	5.7	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		115.295.516.127	124.593.940.013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2010	01/01/2010
4. Ngoại tệ các loại	004	-	-
USD	004a	-	0,33
JPY	004b	-	641.951
5. Chứng khoán theo mệnh giá (VND)	005	24.012.880.000	17.628.930.000



Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2011

Trần Thị Anh Đào
 Kế toán trưởng


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu 02 - CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	1	5.5	6.274.719.095	3.562.563.498
3. Doanh thu thuần	10		6.274.719.095	3.562.563.498
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		1.846.524.552	1.273.300.431
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	12		4.428.194.543	2.289.263.067
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	5.5	2.585.906.653	1.424.268.091
7. Chi phí tài chính	14		492.919.958	(160.242.699)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15		2.137.657.393	2.558.724.179
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16		4.383.523.845	1.315.049.678
10. Thu nhập khác	17		488.247.457	208.012.850
11. Chi phí khác	18		3.282.000	-
12. Lợi nhuận khác	19		484.965.457	208.012.850
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20		4.868.489.302	1.523.062.528
14. Thuế TNDN phải nộp	21		934.474.439	-
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	22		3.934.014.863	1.523.062.528



Nguyễn Đức Tài
Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2011


Trần Thị Anh Đào
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU 03 - CTQ
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ phí quản lý quỹ	01	5.689.789.879	1.942.297.180
Nhận và trả tiền ký cược, ký quỹ của khách hàng	04	-	5.000.000
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05	217.136.274.211	220.725.870.852
Tiền trả cho người cung cấp	06	(782.626.725)	(793.697.975)
Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	08	(1.024.064.079)	(113.587.974)
Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	09	(2.110.863.038)	(1.652.020.067)
Tiền chi mua vật liệu, công cụ dụng cụ	10	(26.445.891)	(58.224.801)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11	(220.264.170.231)	(228.118.643.162)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(1.382.105.874)	(8.063.005.947)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	31	-	(690.603.911)
Tiền đầu tư chứng khoán	33	(64.642.879.789)	(66.012.166.760)
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	34	66.759.876.500	84.263.999.500
Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	38	-	45.900
Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	39	-	(8.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40	2.116.996.711	17.561.266.329
III. LƯU CHUYỂN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	41	-	20.000.000.000
Tiền đi vay	43	-	300.000.000
Tiền trả nợ vay	44	-	(1.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50	-	19.100.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	60	734.890.837	28.598.260.382
Tiền và tương đương tiền đầu năm	70	41.781.572.329	13.191.158.290
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	80	110.722.482	(7.846.343)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	90	42.627.185.648	41.781.572.329



Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2011

(Signature)
 Trần Thị Anh Đào
 Kế toán trưởng

